

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07/3/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Giang, sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Xóm P, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện L, tỉnh H.

Phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị G (chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2024, bản tự khai, lời khai của chị Trần Thị G lưu trong hồ sơ vụ án với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị G và anh Hoàng Văn T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 07/02/2010. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng gia đình

nhà chồng tôi tại thôn 5, xã C, huyện L, tỉnh H. Vì cả hai vợ chồng không có công việc ổn định nên phải đi làm ăn ở nhiều nơi. Trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau do anh T là người cộc cằn, nóng tính, chơi bời cờ bạc, rất nhiều lần anh T đánh chửi chị G thậm tệ trước mặt các con, trước mặt gia đình bố mẹ hai bên. Đầu năm 2013, khi chị G đang mang thai con thứ hai, anh T cầm điều cày đánh vào bụng chị có sự chứng kiến của gia đình chồng nhưng không ai can ngăn. Được gia đình khuyên bảo, động viên và vì con nhỏ nên chị G cố gắng chịu đựng nhưng anh T vẫn không thay đổi, anh T không còn tin tưởng chị G và nghi ngờ chị ngoại tình với người đàn ông khác. Từ tháng 3 năm 2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Ý kiến của anh T: Anh T và chị G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C và được gia đình bố mẹ hai bên tổ chức đám cưới cho theo phong tục địa phương. Cuộc sống hàng ngày vợ chồng cũng có mâu thuẫn đánh chửi nhau nhưng không đến mức căng thẳng. Tháng 3/2024, anh T phát hiện chị G có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh T có hỏi thì chị G không thừa nhận mà nói hết tình cảm với chồng, chị G không chăm sóc các con mà để hai con nhỏ cho bố mẹ để chăm sóc. Anh T cũng thường xuyên đi làm ăn xa nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc các con và không có thời gian quan tâm đến việc chị G đi đâu, làm gì. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh T xác định, mặc dù anh không còn tình cảm với chị G, vợ chồng không thể đoàn tụ nhưng anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị G đồng ý để anh nuôi cả hai con và tự thỏa thuận giải quyết dứt điểm về tài sản chung thì anh sẽ đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị G.

Về con chung: Chị G và anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 16/12/2011 và cháu Hoàng Thu V, sinh ngày 24/7/2013. Hiện nay cả hai cháu đều do cả hai vợ chồng nuôi dưỡng, giáo dục. Chị G đề nghị xin được nuôi cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị G và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Anh T không đồng ý ly hôn, xin được nuôi cả hai cháu T và V, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị G và anh Hoàng Văn T là hợp pháp, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ly hôn giữa chị G và anh T.

Về con chung: Cháu T và cháu V đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị G và anh T đều đang trong độ tuổi lao động, đi làm có thu nhập, chị G và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 16/12/2011 cho anh Hoàng Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Thu V, sinh ngày 24/7/2013 cho chị Trần Thị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các vấn đề khác chị G và anh T không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị G và anh Hoàng Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2024 thì mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống, anh T nghi ngờ chị G có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Mặc dù đã được gia đình bố mẹ hai bên hòa giải nhiều lần nhưng anh T và chị G vẫn không về chung sống cùng nhau. Từ tháng 3/2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị G và anh T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục đoàn tụ nên giải quyết ly hôn cho chị G và anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 16/12/2011 và cháu Hoàng Thu V, sinh ngày 24/7/2013.

Các cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Chị G và anh T đều xác định, mặc dù anh chị sống ly thân nhưng các con vẫn do anh chị cùng nhau trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị G và anh T về việc nuôi con chung là chính đáng, chị G và anh T đều đủ điều kiện nuôi con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu T cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; cháu V nhỏ tuổi hơn cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu V cho chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị G và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Huyền T, sinh ngày 16/12/2011 cho anh Hoàng Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; giao cháu Hoàng Thu V, sinh ngày 24/7/2013 cho chị Trần Thị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Đôi bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các

thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

3. Về án phí: Chị Trần Thị G phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001839 ngày 18 tháng 11 năm 2024 được đối trừ khi thi hành án. Chị Trần Thị G đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Đối với anh T thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Đối với chị G thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hân